

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ - UBND

Phước Thành, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách xã Phước Thành năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/9/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 12119/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2024 đối với xã Phước Thành;

Căn cứ Nghị Quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Phước Thành tại kỳ họp thứ 11 khoá XIII về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024;

Xét đề nghị của Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2024 cho các ban, ngành thuộc UBND xã tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi Ngân sách xã năm 2024 được giao, trưởng các ban, ngành, hội đoàn thể ở xã chịu trách nhiệm:

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương năm 2024 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang (nếu có). Đồng thời dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách so với dự toán năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024 theo quy định.

2. Trích 1% chi thường xuyên để tạo Quỹ Thi đua khen thưởng năm 2024;

3. Giao trưởng các ban, ngành, hội, đoàn thể ở xã phân bổ kinh phí được giao, lập kế hoạch sử dụng kinh phí từng quý gửi về Ban Tài chính xã để có kế hoạch thu, chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

Điều 3. Giao Trưởng Ban Tài chính xã hướng dẫn cụ thể và thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính xã, các ban ngành, hội đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- TT Đảng ủy - HĐND xã;
- CT, 2 PCT UBND xã;
- MTTQVN xã và các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Đạt

Phụ lục					
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024					
(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND xã Phước Thành)					
ĐVT: 1.000đ					
TT	Nội dung	Dự toán huyện giao trên địa bàn năm 2024	Ngân sách xã hưởng năm 2024	Dự toán Ngân sách xã năm 2024	Ghi chú
	TỔNG THU	14.777.010	8.844.000	10.631.000	
1	Các khoản thu 100%	380.000	380.000	548.000	
1.1	Phí, lệ phí	70.000	70.000	70.000	
1.2	Lệ phí Môn bài	30.000	30.000	30.000	
1.3	Thu từ quỹ đất công ích	108.000	108.000	170.000	
1.3	Thu Thuế Sử dụng nông nghiệp	85.000	85.000	85.000	
1.5	Lê phí trước bạ (nhà đất)	39.000	39.000	145.000	
1.6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			0	
1.7	Viện trợ trực tiếp của nước ngoài			0	
1.8	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	
1.9	Thu khác	48.000	48.000	48.000	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)	9.570.010	3.637.000	3.637.000	
2.1	Thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp			0	
2.2	Thuế Chuyển quyền sử dụng đất			0	
2.3	Tiền cấp quyền sử dụng đất			0	
2.4	Thuế Tài nguyên	5		0	
2.5	Thuế Giá trị gia tăng và Thu nhập DN	6.365.000	637.000	637.000	
2.6	Các khoản thu phân chia khác	3.000.005	3.000.000	3.000.000	
	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	5		0	
	Thu tiền sử dụng đất	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
2.7	Thuế Thu nhập cá nhân	205.000		0	
2.8	Thu khác về thuế	0		0	
3	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên	4.627.000	4.627.000	6.246.000	
3.1	Thu bổ sung cân đối từ Ngân sách cấp trên	4.627.000	4.627.000	4.627.000	
3.2	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên			1.619.000	
4	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023	200.000	200.000	200.000	

TT	Nội dung	Dự toán huyện giao trên địa bàn năm 2024	Ngân sách xã hưởng năm 2024	Dự toán Ngân sách xã năm 2024	Ghi chú
5	Thu chuyển nguồn năm 2023			0	

Phụ lục

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ -UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND xã Phước Thành)

ĐVT: 1.000đ

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	TỔNG CỘNG		8.844.000	10.631.000	4.407.362	1.604.638	4.619.000
A	CHI ĐẦU TƯ		3.000.000	4.619.000			4.619.000
B	CHI THƯỜNG XUYỀN		5.729.000	5.897.000	4.407.362	1.489.638	
1	Chi Quốc phòng - DQTV		422.007	422.007	276.107	145.900	
	- Chi cán bộ, công chức	3,060	66.096	66.096	66.096	0	
	- Chi thâm niên	0,73	15.863	15.863	15.863	0	
	- Chi phụ cấp công vụ	0,95	20.490	20.490	20.490	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CĐ	0,85	18.441	18.441	18.441	0	
	- Chi phụ cấp NHĐ KCT	1,80	38.880	38.880	38.880	0	
	- Chi thâm niên CHP QS	0,22	4.666	4.666	4.666	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,17	3.672	3.672	3.672	0	
	- Chi phụ cấp trách nhiệm QL đơn vị		39.000	39.000	39.000	0	
	- Chi phụ cấp đặc thù CHP QS, TĐT DQCD		26.000	26.000	26.000	0	
	- Chi phụ cấp Thôn đội trưởng		43.000	43.000	43.000	0	
	- Chi lực lượng sẵn sàng chiến đấu		10.000	10.000		10.000	
	- Hỗ trợ tiền ăn, tiền công tham gia huấn luyện		65.000	65.000		65.000	
	- Chi hoạt động quốc phòng		45.000	45.000		45.000	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		25.900	25.900		25.900	
2	Chi An ninh trật tự		76.200	76.200	56.200	20.000	
	- Chi phụ cấp Công an viên thôn	2,00	43.200	43.200	43.200	0	
	- Chi phụ cấp Tổ an ninh nhân dân		13.000	13.000	13.000	0	
	- Chi hoạt động		20.000	20.000		20.000	
3	Chi hoạt động Trung tâm HT cộng đồng		28.000	28.000	10.800	17.200	
4	Chi công tác Cải cách hành chính		24.590	24.590	0	24.590	
5	Chi Sự nghiệp Văn hóa thông tin		41.000	41.000	0	41.000	
	- Văn hóa TT		17.000	17.000		17.000	
	- KDC + ngày hội đoàn kết		24.000	24.000		24.000	
6	Chi Sự nghiệp Đài truyền thanh		87.302	87.302	65.902	21.400	
	- Chi cán bộ không chuyên trách	1,30	28.080	28.080	28.080	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,22	4.774	4.774	4.774	0	
	- Chi tiền công 2 nhân viên đài	1,50	32.400	32.400	32.400	0	
	- Chi 2/3BHYT nhân viên Đài		648	648	648	0	
	- Chi theo định mức dân số		15.000	15.000		15.000	
	- Chi hoạt động (KCT: 6,4)		6.400	6.400		6.400	
7	Chi Sự nghiệp TDTT		14.600	14.600	0	14.600	
	Chi hoạt động TDTT		14.600	14.600		14.600	
8	Chi Sự nghiệp Môi trường		51.000	210.000	0	210.000	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi môi trường		51.000	210.000		210.000	
9	Chi sự nghiệp Kinh tế		58.440	58.440	58.440	0	
	- Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi		39.000	39.000	39.000	0	
	- Quản lý đề nhân dân		19.440	19.440	19.440	0	
10	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội		154.000	154.000	88.000	66.000	
	- Chi hỗ trợ trợ cấp hưu xã		70.000	70.000	70.000	0	
	- Chi thăm hỏi gia đình chính sách		26.000	26.000		26.000	
	- Chi đảm bảo xã hội		40.000	40.000		40.000	
	- Chi cộng tác viên xã hội		18.000	18.000	18.000	0	
11	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể		4.444.861	4.453.861	3.595.753	858.108	
11.1	Hội đồng nhân dân		445.929	443.746	261.246	182.500	
	- Chi cán bộ, công chức	2,67	57.672	57.672	57.672	0	
	- Chi phụ cấp chức vụ	0,20	4.320	4.320	4.320	0	
	- Chi phụ cấp công vụ	0,72	15.498	13.716	13.716	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CĐ	0,21	4.459	4.058	4.058	0	
	- Phụ cấp Đại biểu HĐND xã	7,80	168.480	168.480	168.480	0	
	- Hỗ trợ 4,5% BHYT ĐB HĐND	0,50	13.000	13.000	13.000	0	
	- Chi kinh phí hoạt động của HĐND theo NQ 40		156.000	156.000		156.000	
	- Tiếp xúc cử tri (4 kỳ/năm)		5.000	5.000		5.000	
	- Chi hoạt động 2 Ban		2.000	2.000		2.000	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		19.500	19.500		19.500	
11.2	Chi Quản lý Nhà nước		2.387.868	2.405.823	2.060.275	345.548	
	- Chi cán bộ, công chức	47,42	1.024.272	1.024.272	1.024.272	0	
	- Chi phụ cấp chức vụ	0,65	14.040	14.040	14.040	0	
	- Chi phụ cấp công vụ	12,02	259.578	256.014	256.014	0	
	- Trách nhiệm	0,10	2.160	2.160	2.160	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CĐ	10,82	233.620	230.413	230.413	0	
	- Chi Người hoạt động KCT	3,10	66.960	66.960	66.960	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,17	3.672	3.672	3.672	0	
	- Chi hợp đồng nhân viên		72.000	72.000	72.000	0	
	- Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	10,40	224.640	224.640	224.640	0	
	- Mặt trận thôn	4,80	103.680	103.680	103.680	0	
	- Phó Trưởng thôn	2,80	60.480	60.480	60.480	0	
	- Hỗ trợ 2/3 BHYT Mặt trận		1.944	1.944	1.944	0	
	- Chi hoạt động Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ xã		5.000	5.000		5.000	
	- Chi hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân xã		5.000	5.000		5.000	
	- Chi hoạt động 2 Đề án 938 và 939		5.000	5.000		5.000	
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		266.300	266.300		266.300	
	- Chi hoạt động của UB và chi hoạt động hành chính thôn		39.522	64.248		64.248	
11.3	Chi Khối Đảng		658.046	651.274	563.074	88.200	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi cán bộ, công chức	7,980	172.368	172.368	172.368	0	
	- Chi phụ cấp chức vụ	0,55	11.880	11.880	11.880	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CE	1,92	41.456	38.248	38.248	0	
	- Chi phụ cấp công vụ	2,13	46.062	42.498	42.498	0	
	- Chi người hoạt động KCT	4,90	105.840	105.840	105.840	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	4,00	86.400	86.400	86.400	0	
	- Phụ cấp cấp ủy viên	4,50	97.200	97.200	97.200	0	
	- Phụ cấp Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy	0,40	8.640	8.640	8.640	0	
	- Chi đặt Báo cho các chi bộ		30.000	30.000		30.000	
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		58.200	58.200		58.200	
11.4	Chi Khối Đoàn thể		953.018	953.018	711.158	241.860	
11.4.1	Chi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN xã		226.628	226.628	143.856	82.772	
	- Chi cán bộ, công chức	3,00	64.800	64.800	64.800	0	
	- Phụ cấp chức vụ	0,20	4.320	4.320	4.320	0	
	- Phụ cấp công vụ	0,80	17.280	17.280	17.280	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CE	0,72	15.552	15.552	15.552	0	
	- Phụ cấp NHĐ KCT	1,20	25.920	25.920	25.920	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,14	3.024	3.024	3.024	0	
	- Phụ cấp thanh tra nhân dân		4.320	4.320	4.320	0	
	- Thanh tra nhân dân thôn	0,4	8.640	8.640	8.640	0	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		25.900	25.900	0	25.900	
	- Chi hỗ trợ hoạt động Mặt trận xã, thôn		6.872	6.872		6.872	
	- Chi đại hội Mặt trận		20.000	20.000		20.000	
	- Kinh phí giám sát cộng đồng		5.000	5.000		5.000	
	- Hoạt động Ban thanh tra nhân dân		5.000	5.000		5.000	
	- Ban vận động TĐĐKXDNTM		20.000	20.000		20.000	
11.4.2	Chi Đoàn TNCS HCM xã		208.289	208.289	147.517	60.772	
	- Chi cán bộ, công chức	2,67	57.672	57.672	57.672	0	
	- Phụ cấp chức vụ	0,15	3.240	3.240	3.240	0	
	- Phụ cấp công vụ	0,71	15.228	15.228	15.228	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CĐ	0,63	13.705	13.705	13.705	0	
	- Phụ cấp NHĐ KCT	1,10	23.760	23.760	23.760	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,17	3.672	3.672	3.672	0	
	- Kiêm nhiệm Chủ tịch Hội LHTN	0,20	4.320	4.320	4.320	0	
	- Chi phụ cấp chi ĐTN thôn	1,20	25.920	25.920	25.920	0	
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		25.900	25.900		25.900	
	- Chi hỗ trợ hoạt động ĐTN xã, thôn		6.872	6.872		6.872	
	- Chi đại Hội HLHTN, CN Bác Hồ		20.000	20.000		20.000	
	- Chi công tác Hoạt động hè		8.000	8.000		8.000	
11.4.3	Chi Hội LHPN xã		196.997	196.997	164.225	32.772	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi cán bộ, công chức	3,33	71.928	71.928	71.928	0	
	- Phụ cấp chức vụ	0,15	3.240	3.240	3.240	0	
	- Phụ cấp công vụ	0,87	18.792	18.792	18.792	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CĐ	0,78	16.913	16.913	16.913	0	
	- Phụ cấp NHĐ KCT	1,10	23.760	23.760	23.760	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,17	3.672	3.672	3.672	0	
	- Chi phụ cấp Chi hội phụ nữ thôn	1,20	25.920	25.920	25.920	0	
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		25.900	25.900		25.900	
	- Chi hỗ trợ hoạt động hội PN xã, thôn		6.872	6.872		6.872	
11.4.4	Chi Hội Nông dân xã		165.455	165.455	132.683	32.772	
	- Chi cán bộ, công chức	2,34	50.544	50.544	50.544	0	
	- Phụ cấp chức vụ	0,15	3.240	3.240	3.240	0	
	- Phụ cấp công vụ	0,62	13.446	13.446	13.446	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, YT, CĐ	0,56	12.101	12.101	12.101	0	
	- Phụ cấp NHĐ KCT	1,10	23.760	23.760	23.760	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,17	3.672	3.672	3.672	0	
	- Chi phụ cấp Chi hội Nông dân thôn	1,20	25.920	25.920	25.920	0	
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		25.900	25.900		25.900	
	- Chi hỗ trợ hoạt động hội ND xã, thôn		6.872	6.872		6.872	
11.4.5	Chi Hội Cựu chiến binh xã		155.649	155.649	122.877	32.772	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi cán bộ, công chức	2,25	48.600	48.600	48.600	0	
	- Phụ cấp công vụ	0,56	12.150	12.150	12.150	0	
	- Hỗ trợ 22,5% BHXH, BHYT, CĐ	0,51	10.935	10.935	10.935	0	
	- Phụ cấp NHĐ KCT	1,00	21.600	21.600	21.600	0	
	- Hỗ trợ 17% BHXH, BHYT NHĐ KCT	0,17	3.672	3.672	3.672	0	
	- Chi phụ cấp Chi hội Cựu chiến binh thôn	1,20	25.920	25.920	25.920	0	
	- Chi hoạt động (CBCC: 19,5; KCT: 6,4)		25.900	25.900		25.900	
	- Chi hỗ trợ hoạt động hội CCB xã, thôn		6.872	6.872		6.872	
12	Hội đặc thù		101.000	101.000	56.160	44.840	
12.1	Hội Cựu tù chính trị cách mạng xã		25.100	25.100	21.600	3.500	
	- Chi phụ cấp	1,0	21.600	21.600	21.600	0	
	- Chi hoạt động		3.500	3.500		3.500	
12.2	Chi Hội Người cao tuổi xã		34.600	34.600	21.600	13.000	
	- Chi phụ cấp	1,0	21.600	21.600	21.600	0	
	- Chi hoạt động		13.000	13.000		13.000	
12.3	Hội khuyến học xã		19.480	19.480	6.480	13.000	
	- Chi phụ cấp	0,3	6.480	6.480	6.480	0	
	- Chi hoạt động		13.000	13.000		13.000	
12.4	Hội Chữ thập đỏ xã		18.320	18.320	6.480	11.840	
	- Chi phụ cấp	0,3	6.480	6.480	6.480	0	

Số TT	Nội dung	Định mức, Hệ số	Dự toán Huyện giao năm 2024	Dự toán ngân sách xã năm 2024			
				Tổng số	Chi lương, Phụ cấp	Chi thường xuyên	Chi đầu tư
	- Chi hoạt động		11.840	11.840		11.840	
12.5	Hội Cựu thanh niên xung phong xã		3.500	3.500	0	3.500	
	- Chi hoạt động		3.500	3.500		3.500	
13	Chi khác		26.000	26.000	0	26.000	
	Chi khác chiếm 0,5% chi thường xuyên		26.000	26.000		26.000	
14	Chi thực hiện cải cách tiền lương năm 2024		200.000	200.000	200.000	0	
C	Dự phòng chi 2% chi thường xuyên		115.000	115.000		115.000	